

Số: /2025/QĐ-UBND Cà Mau, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Định mức kinh tế - kỹ thuật đối với các dịch vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, cao đẳng sư phạm và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Cà Mau

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 14/2024/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật và phương pháp định giá dịch vụ giáo dục, đào tạo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 5852/TTr-SGDĐT ngày 25 tháng 11 năm 2025 về dự thảo Quyết định định mức kinh tế - kỹ thuật đối với các dịch vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, cao đẳng sư phạm và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Cà Mau; Báo cáo thẩm định số 1064/BC-STP ngày 24/11/2025 của Sở Tư pháp; Báo cáo số 5940/BC-SGDĐT ngày 26/11/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến Thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định định mức kinh tế - kỹ thuật đối với các dịch vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, cao đẳng sư phạm và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định chi tiết điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí,

miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

2. Đối tượng áp dụng

a) Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Tài chính; Sở Nội vụ; Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.

b) Các cơ sở giáo dục công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, bao gồm: cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên, trường Cao đẳng Cộng đồng.

c) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật đối với các dịch vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, cao đẳng sư phạm và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Cà Mau

1. Định mức lao động

Định mức lao động bao gồm định mức lao động trực tiếp và định mức lao động gián tiếp. Định mức lao động trực tiếp là thời gian giảng dạy lý thuyết; hướng dẫn thực hành; hướng dẫn tiểu luận, luận án, luận văn...; định mức lao động gián tiếp là số lao động trong các hoạt động quản lý, phục vụ để giáo dục 01 học sinh, được tính theo tỷ lệ phần trăm (%) của lao động trực tiếp.

Định mức lao động = Định mức lao động trực tiếp + Định mức lao động gián tiếp. Trong đó:

Định mức lao động trực tiếp = (Định mức giáo viên/lớp)/(Định mức học sinh/lớp).

Định mức lao động gián tiếp = (Định mức cán bộ quản lý + Định mức nhân viên)/(tổng số học sinh toàn trường),

2. Định mức thiết bị

Định mức khấu hao một loại thiết bị/01 năm = (Định mức thiết bị/01 học sinh)/(thời gian sử dụng trung bình của thiết bị). Trong đó:

Định mức thiết bị/01 học sinh = Số thiết bị/tổng số học sinh sử dụng.

Định mức thiết bị chưa bao gồm mức tiêu hao giá trị các thiết bị cho công tác quản lý, phục vụ của lao động gián tiếp.

3. Định mức vật tư

Định mức tiêu hao một loại vật tư/01 năm = (Định mức/01 học sinh)/ (thời gian sử dụng trung bình của vật tư). Trong đó: Định mức/01 học sinh = Tổng số vật tư/tổng số học sinh.

4. Định mức cơ sở vật chất

a) Định mức sử dụng khu học lý thuyết cho 01 người học (đơn vị tính m² x giờ/người học) = Diện tích sử dụng trung bình của 01 người học tại khu học lý

thuyết trong quá trình đào tạo (đơn vị tính m^2 /người học) x Tổng thời gian sử dụng tại khu học lý thuyết của 01 người học trong quá trình đào tạo (đơn vị tính giờ).

b) Định mức sử dụng từng khu thực hành, thực tập, thí nghiệm của 01 người học trong quá trình đào tạo (m^2 x giờ/người học) = Diện tích sử dụng trung bình từng khu thực hành, thực tập, thí nghiệm của 01 người học trong quá trình đào tạo (m^2 /người học) x Tổng thời gian sử dụng từng khu thực hành, thực tập, thí nghiệm của 01 người học trong quá trình đào tạo (giờ).

c) Định mức các khu chức năng, hạ tầng kỹ thuật khác trong trường được tính bằng tỷ lệ % so với tổng định mức khu học lý thuyết và khu thực hành, thực tập, thí nghiệm.

5. Định mức kinh tế - kỹ thuật đối với các dịch vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, cao đẳng sư phạm và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Cà Mau được quy định tại các Phụ lục kèm theo Quyết định này.

a) Phụ lục I: Định mức kinh tế - kỹ thuật đối với dịch vụ giáo dục mầm non.

b) Phụ lục II: Định mức kinh tế - kỹ thuật đối với dịch vụ giáo dục phổ thông - cấp tiểu học (25 học sinh).

c) Phụ lục III: Định mức kinh tế - kỹ thuật đối với dịch vụ giáo dục phổ thông - cấp tiểu học (35 học sinh).

d) Phụ lục IV: Định mức kinh tế - kỹ thuật đối với dịch vụ giáo dục phổ thông - cấp trung học cơ sở (35 học sinh).

đ) Phụ lục V: Định mức kinh tế - kỹ thuật đối với dịch vụ giáo dục phổ thông - cấp trung học cơ sở (45 học sinh).

e) Phụ lục VI: Định mức kinh tế - kỹ thuật đối với dịch vụ giáo dục phổ thông - cấp trung học phổ thông.

g) Phụ lục VII: Định mức kinh tế - kỹ thuật đối với dịch vụ giáo dục thường xuyên - cấp trung học cơ sở.

h) Phụ lục VIII: Định mức kinh tế - kỹ thuật đối với dịch vụ giáo dục thường xuyên - cấp trung học phổ thông.

i) Phụ lục IX: Định mức kinh tế - kỹ thuật đối với dịch vụ đào tạo trình độ Cao đẳng sư phạm - Ngành giáo dục mầm non.

Điều 3. Quy định sử dụng định mức kinh tế - kỹ thuật đối với các dịch vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, cao đẳng sư phạm và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Cà Mau

1. Định mức kinh tế - kỹ thuật là căn cứ để các cơ quan có thẩm quyền xây dựng, thẩm định, phê duyệt đơn giá, giá dịch vụ giáo dục, đào tạo, dự toán kinh phí cung cấp dịch vụ giáo dục, đào tạo sử dụng ngân sách nhà nước và quản lý kinh tế trong hoạt động giáo dục, đào tạo theo quy định của pháp luật.

2. Các cơ sở giáo dục công lập xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định, ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền để phục vụ cho hoạt động chuyên môn của cơ sở giáo dục.

3. Trường hợp quy mô lớp, quy mô học sinh ở các cơ sở giáo dục khác với các điều kiện, quy mô tính toán tại các phụ lục của khoản 5 Điều 2 Quyết định này, các đơn vị căn cứ vào định mức kinh tế - kỹ thuật này và điều kiện cụ thể để tính toán phù hợp.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2025.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai, tổ chức thực hiện Quyết định này; hằng năm có trách nhiệm tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện định mức kinh tế - kỹ thuật trên địa bàn tỉnh tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Giáo dục và Đào tạo; Tài chính; Nội vụ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như khoản 2 Điều 5;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (b/c);
- Vụ Pháp chế - Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Cục KTVB và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh (đăng Công báo);
- Các phòng: KGVX(LQĐQP02); NC;
- Lưu: VT, KP356/11.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Minh Luân